TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 186/2026/QĐST-LĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

***Thư ký phiên họp*:** Bà Phạm Thị Vân Anh - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 235/2026/LĐ-ST ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 169/2026/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1991; thường trú: Xóm T, xã X, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên lạc: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Nai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH P; Địa chỉ: Số A,Lô C, đường số C, Khu công nghiệp Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH P: Bà Quách Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ: Số E, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh – là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 22/5/2026), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội Cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; Địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Tại đơn yêu cầu, bản trình bày ý kiến bà Trần Thị H trình bày:*

Bà Trần Thị H, sinh ngày 10/5/1991, CCCD: 044191xxxxxx cấp ngày 06/01/2022, làm việc tại các công ty sau: Tại Công ty TNHH F (Việt Nam), có tham gia Bảo hiểm xã hội và được cấp Sổ Bảo hiểm xã hội số 791019xxxx, thời gian làm từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 12 năm 2017; tại công ty TNHH G từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 9 năm 2020; tại công ty TNHH L từ tháng 4 năm 2023 đến tháng 01 năm 2025.

Bà Trần Thị H khai do có nhu cầu rút Bảo hiểm xã hội thì phát hiện hồ sơ bảo hiểm bị trùng thời gian đóng Bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH P từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2010.

Lý do trùng vì có người (bà H không quen biết) đã sử dụng thông tin của bà H để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P, làm việc tại đây từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2010, tham gia Bảo hiểm xã hội với mã số 74101xxxxx, thực tế trong khoản thời gian này bà Trần Thị H không làm việc tại công ty này mà đang làm việc tại Công ty TNHH F (Việt Nam).

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị H với Công ty TNHH P là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: *Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Trần Thị H và Công ty TNHH P trong khoảng thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2010 vô hiệu.*

- Tại bản trình bày ý kiến người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH P là bà Quách Thị N trình bày:

Trong quá trình tuyển dụng người lao động vào làm việc, công ty TNHH P sẽ căn cứ vào hồ sơ xin việc có xác nhận hoặc công chứng của các cơ quan có thẩm quyền, trong đó người lao động cam kết các thông tin và hồ sơ hoàn toàn đúng sự thật và người lao động hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Việc bà Trần Thị H, sinh năm 1991 bị người khác sử dụng hồ sơ để làm việc tại công ty TNHH P là việc làm hoàn toàn chủ động của người mạo danh. Việc mượn hồ sơ, sử dụng danh tính của người khác để xin việc là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Phía công ty TNHH P luôn tuân thủ pháp luật, tôn trọng pháp luật và người lao động, căn cứ trên nguyện vọng của người lao động thể hiện bằng mong nuốn xin việc làm tại công ty TNHH P để giao kết hợp đồng với người lao động. Tuy nhiên, công ty TNHH P không có các công cụ, phương tiện để kiểm tra hồ sơ, giấy tờ là thật hay giả, người lao động là thật hay giả, chỉ có thể căn cứ trên sự xác nhận của các cơ quan chức năng. Mặt khác, công ty TNHH P đảm bảo đã thanh toán đầy đủ tiền lương và các chế độ khác, đóng đủ BHXH cho người lao động có tên Trần Thị H, người đã ký hợp đồng với công ty.

Xét thấy sự việc này đã xảy ra rất lâu, từ tháng 05/2010 đến tháng 06/2010, công ty TNHH P đã thay đổi chủ đầu tư, thay đổi người đại diện pháp luật, thay đổi nhân viên quản lý nhân sự, người lao động cũng đã nghỉ việc, toàn bộ hồ sơ nhân sự nghỉ việc của công ty trước năm 2020 đã bị hư hỏng do khử trùng trong

đại dịch Covid 19 và đã tiêu hủy sau nên không ai có thể xác định được người lao động đã làm việc trong thời gian này tại công ty T là Trần Thị H hay người khác. Việc này chỉ là sự khai báo đơn phương từ bà Trần Thị H. Việc kết luận sự việc này hoặc tuyên Hợp đồng lao động đã ký trong vụ việc này là vô hiệu toàn bộ là quyền hạn của Tòa án nhân dân. Công ty TNHH P không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H và đối với vụ việc này. Tuy nhiên, công ty TNHH P sẵn sàng hợp tác hỗ trợ người lao động trong khả năng của mình. Công ty cam đoan những nội dung trên là hoàn toàn đúng sự thật, không thắc mắc, khiếu nại gì về sau. Người đại diện hợp pháp của công ty TNHH P yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Tại Công văn số 1532/BHXH-QLT ngày 06/5/2026 và Công văn số 2003/BHXH-KT ngày 09/6/2026 Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin như sau:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) đối với bà Trần Thị H, sinh ngày 10/5/1991, CCCD: 044191xxxxxx cấp ngày 06/01/2022, Chứng minh nhân dân số 194420328 thể hiện: Bà Trần Thị H được Công ty TNHH F (Việt Nam) tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 791019xxxx từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 12 năm 2017 và tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội với mã số này khi làm việc tại các công ty: Công ty TNHH G từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 9 năm 2020; Công ty TNHH L từ tháng 4 năm 2023 đến tháng 01 năm 2025.

Tuy nhiên, trong đó bà Trần Thị H có quá trình đóng BHXH, BHYT, BHTN bị trùng thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2010 giữa Công ty TNHH P với mã số BHXH 74101xxxxx và Công ty TNHH F (Việt Nam) với mã số BHXH 791019xxxx.

Đối với hồ sơ tham gia BHXH có liên quan (Hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân…) của bà Trần Thị H, BHXH cơ sở Lái Thiêu không lưu giữ hợp động và giấy tờ tùy thân của bà H.

Đối với yêu cầu của bà Trần Thị H về tuyên bố hợp đồng vô hiệu đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H yêu cầu được vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết việc lao động nêu trên.

***Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị*:**

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, người yêu cầu bà Trần Thị H, Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH P đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về nội dung giải quyết: Theo nội dung trình bày của đương sự và nội dung cung cấp thông tin của BHXH cơ sở L, Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ xác định bà Trần Thị H có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo

hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp ở các mã số 791019xxxx từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2025 và mã số 74101xxxxx từ tháng 5/2010 đến tháng 8/2016, trong đó thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2010 do người khác sử dụng thông tin của bà H thực hiện ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH P.

Do đó, việc người khác sử dụng hồ sơ mang tên Trần Thị H ký hợp đồng lao động và tham gia BHXH tại Công ty TNHH P là vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động quy định tại Bộ luật lao động. Do đó, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Trần Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH P1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Lời trình bày của bà Trần Thị H trong quá trình tố tụng phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình tố tụng và tại Công văn số 1532/BHXH-QLT ngày 06/5/2026 và Công văn số 2003/BHXH-KT ngày 09/6/2026, trong khoảng thời gian từ tháng tháng 5 năm 2010 đến tháng 12 năm 2017, người lao động bà Trần Thị H, sinh ngày 10/5/1991, CCCD: 044191xxxxxx cấp ngày 06/01/2022, Chứng minh nhân dân số 194420328 làm việc tại Công ty TNHH F (Việt Nam) tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 791019xxxx. Tuy nhiên, cùng thời gian này bà H lại có tên tham gia bảo hiểm xã hội tại đơn vị khác là Công ty TNHH P1, tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 74101xxxxx từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2010.

Bà H xác định thời gian này người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P1 là một người khác, không phải là bà H, còn ai là người ký thì bà H không xác định được vì thời điểm này bà H bị mất giấy Chứng minh nhân dân.

Như vậy việc một người khác sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P1 là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động là vi phạm pháp luật và bị vô hiệu theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H đã cung cấp thông tin về thời gian đóng Bảo hiểm xã hội của bà H bị trùng từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2010.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H về việc: *Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Trần Thị H và Công ty TNHH P vô hiệu.*

[2.3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*. Bà H có quyền liên hệ Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trần Thị H.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị H với Công ty TNHH P1 theo sổ Bảo hiểm xã hội có mã số 74101xxxxx bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ Bảo hiểm xã hội mã số 74101xxxxx không phải là bà Trần Thị H, sinh ngày 10/5/1991, CCCD: 044191xxxxxx cấp ngày 06/01/2022.

2. Bà Trần Thị H được quyền liên hệ với Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục điều chỉnh liên quan đến sổ bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0031691 ngày 21/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền

kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Tuyết Ánh